

THE CURRENT STATE OF INDUSTRIAL ELECTRICAL VOCATIONAL TRAINING MANAGEMENT AT COLLEGES IN THE RED RIVER DELTA REGION IN THE DIRECTION OF COHESION WITH ENTERPRISES

Mai Van Xuan

VMU College

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 13/5/2025	Strengthening the connection between vocational training management at colleges and enterprises is an urgent requirement in the current context when Vietnam is promoting industrialization, modernization and international integration. To obtain information on the current situation of industrial electrical vocational training management at colleges in the Red River Delta in the direction of cohesion with enterprises, the author conducted a survey of 1,909 managers, lecturers and students of 7 colleges and 5 enterprises. The research results collected 1,275 votes (accounting for 66.78%) of respondents who said that the current situation of colleges has been connected with enterprises in vocational training. However, the connection has only stopped at some individual activities such as visiting, sponsoring scholarships without providing comprehensive measures and models of cohesion. The research results point out the shortcomings and limitations in vocational training management activities at colleges in the direction of cohesion with enterprises. On that basis, the research proposes some measures and models of connection in vocational training management, bringing benefits to colleges and the needs of enterprises.
Revised: 26/6/2025	
Published: 26/6/2025	
KEYWORDS	
Current status	
Cohesion with enterprises	
College	
CIPO model	
Vocational training management	

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG THEO HƯỚNG GẮN KẾT VỚI DOANH NGHIỆP

Mai Văn Xuân

Trường Cao đẳng VMU

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 13/5/2025	Việc tăng cường gắn kết quản lý đào tạo nghề tại các trường cao đẳng với doanh nghiệp là một yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh hiện nay khi Việt Nam đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Để có được thông tin về thực trạng quản lý đào tạo nghề điện công nghiệp tại các trường cao đẳng vùng Đồng bằng sông Hồng theo hướng gắn kết với doanh nghiệp, tác giả đã tiến hành khảo sát 1.909 cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên của 7 trường cao đẳng và 5 doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu thu về 1.275 phiếu (chiếm 66,78%) người trả lời cho rằng thực trạng các trường cao đẳng đã có sự gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo nghề. Tuy nhiên, việc gắn kết mới dừng lại ở một số hoạt động đơn lẻ như: tham quan, tài trợ học bổng mà chưa đưa ra được các biện pháp cũng như mô hình gắn kết toàn diện. Kết quả nghiên cứu chỉ ra những bất cập, hạn chế về hoạt động quản lý đào tạo nghề tại trường cao đẳng theo hướng gắn kết với doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số biện pháp và mô hình gắn kết quản lý hoạt động đào tạo nghề, mang lại lợi ích cho trường cao đẳng và nhu cầu của doanh nghiệp.
Ngày hoàn thiện: 26/6/2025	
Ngày đăng: 26/6/2025	
TỪ KHÓA	
Thực trạng	
Gắn kết với doanh nghiệp	
Trường cao đẳng	
Mô hình CIPO	
Quản lý đào tạo nghề	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12791>

Email: xuanmv@vimaru.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

57

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Trước xu thế phát triển của đất nước đang tiến lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên số - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, hoạt động quản lý đào tạo nghề tại các trường cao đẳng theo hướng gắn kết với doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa. Điều này giúp sinh viên ra trường có thể làm việc theo đúng nguyện vọng, đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác đào tạo theo hướng gắn kết “Nhà quản lý - Nhà trường - Doanh nghiệp”, tại Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018, Chính phủ đã xác định nhiệm vụ và giải pháp “Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp theo hướng khuyến khích các doanh nghiệp phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đào tạo đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động trong nước cũng như hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng” [1].

Cũng tại Nghị Quyết về phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2030 và tầm nhìn tới năm 2045 của Bộ Chính trị đã xác định, Đồng bằng sông Hồng là vùng phát triển hiện đại, văn minh, sinh thái; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, thông minh và một số trung tâm kinh tế, tài chính lớn mang tầm khu vực và thế giới [2].

Jane và cộng sự [3] nhấn mạnh để đáp ứng nhu cầu của nhân lực trong thế kỷ 21, các doanh nghiệp và cơ sở giáo dục phải hợp tác với nhau, những mục tiêu của đào tạo nghề không thể đạt được nếu không có sự kết nối hiệu quả giữa doanh nghiệp và trường học. Tác giả Nguyễn Ngọc Phương [4] đã đưa ra các mô hình liên kết giữa nhà trường với doanh nghiệp, nội dung liên kết liên quan đến quản lý quá trình đào tạo như thống nhất về mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, trong tổ chức; quản lý quá trình đào tạo; phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý. Nghiên cứu của tác giả Trương Việt Khánh Trang [5] đã đề xuất hệ thống biện pháp quản lý: kế hoạch hóa liên kết đào tạo nguồn nhân lực ngành may giữa nhà trường và doanh nghiệp. Tác giả M.F. Maruanaya và D. Hariyanto [6] cho rằng, sự hợp tác giữa trường trung học dạy nghề và ngành công nghiệp ở Indonesia đã được thành lập cách đây hàng chục năm. Mục tiêu của chương trình hợp tác này là người học đạt được kỹ năng và những kiến thức cần thiết trong công việc của doanh nghiệp. Sự hợp tác này thông qua hình thức Biên bản ghi nhớ; bước đầu đã mang lại sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhà trường và doanh nghiệp.

Nghiên cứu của tác giả Huỳnh Phong Tân [7] đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động đào tạo nghề giữa trường cao đẳng và doanh nghiệp. Tác giả Wu và cộng sự [8] đã đề xuất một phương pháp thiết kế giảng dạy theo định hướng tập trung vào vấn đề đáp ứng nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp thông minh và áp dụng cụ thể vào thiết kế giảng dạy giáo dục nghề nghiệp cho sinh viên nghề điện công nghiệp. Nghiên cứu của Elfizon và cộng sự [9] đề cao vai trò của giảng viên và nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy và thực hành để sinh viên sau khi tốt nghiệp có đủ kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trong ngành điện công nghiệp.

Tác giả Nguyễn Xuân Tạo [10] trình bày nghiên cứu tổng quan về quản lý đào tạo nghề theo hướng đảm bảo chất lượng dựa trên mô hình quản lý chất lượng đào tạo CIPO (Context - Input - Process - Output) kết hợp các điểm mạnh của hệ thống quản lý chất lượng ISO (International Organization for Standardization), TQM (Total Quality Management) và các công trình nghiên cứu về mô hình quản lý đào tạo nghề ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài và trong nước.

Tuy nhiên, thời gian qua, sự gắn kết giữa trường cao đẳng với doanh nghiệp trong quản lý đào tạo nghề chưa được chú trọng; các nghiên cứu trước đây còn thiếu nghiên cứu chuyên sâu về việc áp dụng mô hình CIPO để đánh giá toàn diện quá trình quản lý đào tạo nghề theo hướng gắn kết với doanh nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng. Vì vậy, nghiên cứu này tiến hành khảo sát và phân tích chi tiết thực trạng hoạt động quản lý đào tạo nghề điện công nghiệp tại các trường cao đẳng vùng Đồng bằng sông Hồng theo hướng gắn kết với doanh nghiệp để có cơ sở đề xuất các biện pháp và mô hình gắn kết quản lý phù hợp.

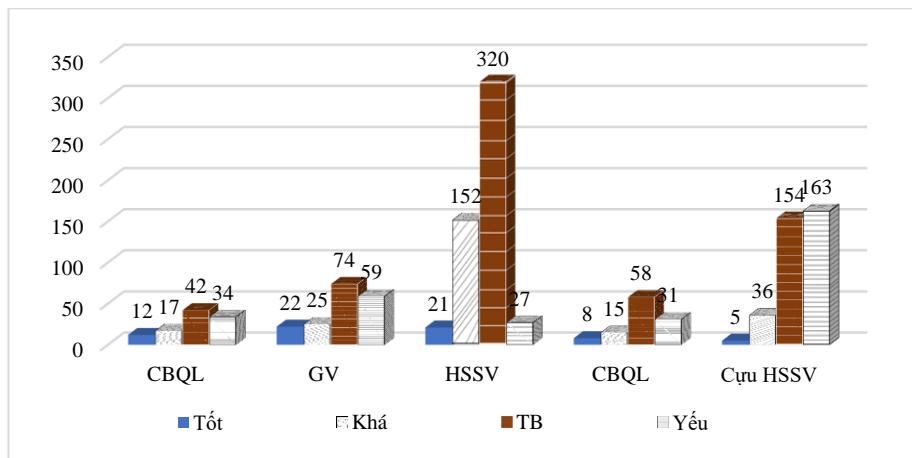
2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng: Phương pháp nghiên cứu định tính để nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến quản lý đào tạo nghề và mô hình quản lý đào tạo nghề theo hướng gắn kết với doanh nghiệp; Phương pháp định lượng tiếp cận CIPO để đánh giá thực trạng quản lý đào tạo nghề điện công nghiệp ở các trường cao đẳng vùng Đồng bằng sông Hồng theo hướng gắn kết với doanh nghiệp sử dụng điều tra bằng phiếu hỏi được gửi trực tuyến thông qua Google form kết hợp phỏng vấn (gặp và trao đổi trực tiếp, trao đổi qua điện thoại, Zalo video call) từ tháng 9/2024 - 12/2024. Đối tượng khảo sát được thực hiện với 240 giảng viên, 822 sinh viên, 133 cán bộ quản lý tại 7 trường cao đẳng và 562 cựu sinh viên, 152 cán bộ quản lý tại 5 doanh nghiệp. Kết quả số phiếu đánh giá nhận được gồm: 180 giảng viên, 520 sinh viên và 105 cán bộ quản lý tại 7 trường cao đẳng với 358 cựu sinh viên và 112 cán bộ quản lý tại 5 doanh nghiệp. Câu hỏi khảo sát được xây dựng tương ứng với thang đo Likert 4 mức độ thể hiện thực trạng gắn kết các khâu của quá trình đào tạo giữa trường cao đẳng với doanh nghiệp: Tốt: 3,25 - 4,0 (mức 4), Khá: 2,5 - 3,25 (mức 3), Trung bình (TB): 1,75 - 2,5 (mức 2), Yếu: 1,0 - 1,75 (mức 1). Số liệu khảo sát thu nhận được xử lý bằng phương pháp thống kê kết hợp phân tích tổng hợp để đưa ra các nhận xét, đánh giá thực trạng quản lý đào tạo nghề tại các trường cao đẳng vùng Đồng bằng sông Hồng theo hướng gắn kết với doanh nghiệp.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Thực trạng về hoạt động đào tạo nghề điện công nghiệp tại các trường cao đẳng theo hướng gắn kết với doanh nghiệp

3.1.1. Về thực trạng gắn kết trong tuyển sinh

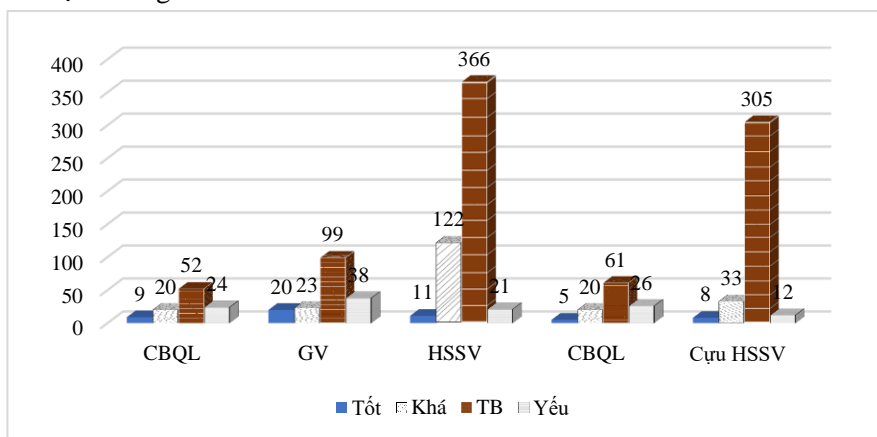


Hình 1. Đánh giá thực trạng gắn kết trong tuyển sinh

Qua kết quả xử lý số liệu ở Hình 1 tác giả nhận thấy hầu hết các ý kiến phản hồi cho rằng việc gắn kết giữa trường cao đẳng (TCD) và doanh nghiệp (DN) trong công tác tuyển sinh ở mức độ trung bình và yếu; tức là gần như chưa có sự gắn kết trong việc xây dựng kế hoạch, nội dung và phương án tuyển sinh đào tạo nghề. Có tới 32 - 40% cán bộ quản lý (CBQL) ở các TCD và 27,6 - 51,7% CBQL ở DN cho rằng mức độ gắn kết rất thấp hoặc chưa đáng kể; ý kiến của giảng viên (GV) và học sinh, sinh viên (HSSV) cũng cho rằng vấn đề gắn kết trong tuyển sinh đào tạo nghề giữa TCD và DN hầu như chưa diễn ra chiếm tỷ lệ từ 43,0 - 61,5% số người được hỏi. Thực tế cho thấy; chức năng của DN là sản xuất còn TCD là đào tạo nguồn nhân lực nên công tác tuyển sinh chủ yếu do TCD chủ động xây dựng và thực hiện quảng bá tuyển sinh, mỗi trường lại có hình thức, phương pháp tuyển sinh khác nhau nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng tuyển sinh đào tạo nghề điện công nghiệp (ĐCN).

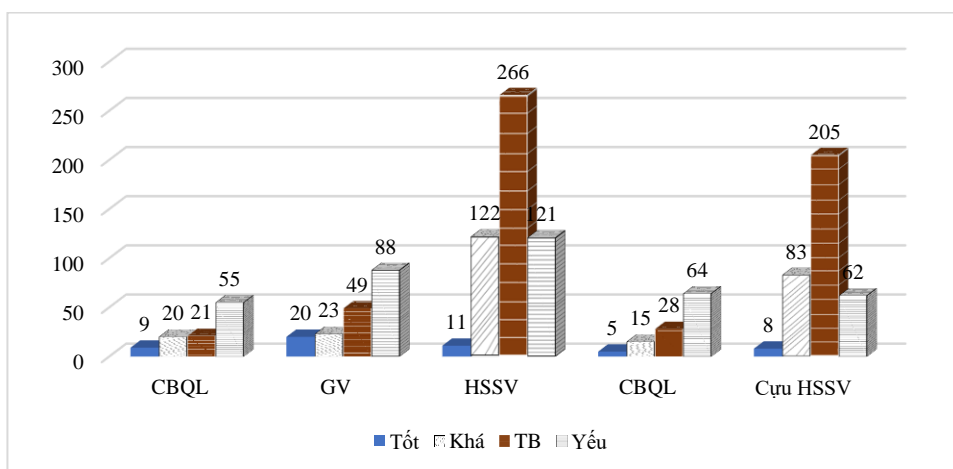
3.1.2. Về thực trạng gắn kết xác định mục tiêu, chương trình và tổ chức đào tạo

Qua kết quả khảo sát thực trạng ở Hình 2 ta thấy: Có từ 49,5 - 54,4% CBQL ở TCD và DN đều cho rằng việc gắn kết này đang ở mức độ trung bình; chiếm 21,1% GV đánh giá là yếu hoặc chưa thực hiện gắn kết; đặc biệt có tới hơn 85% cựu HSSV cho rằng mức độ gắn kết trong việc xây dựng mục tiêu, nội dung chương trình và tổ chức đào tạo ở giá trị trung bình. Đây là rào cản khá lớn khi DN không gắn kết cùng TCD tham gia xây dựng chương trình đào tạo, điều này dẫn đến hệ lụy đào tạo không theo nhu cầu DN.



Hình 2. Đánh giá thực trạng gắn kết xác định mục tiêu, chương trình đào tạo

3.1.3. Về thực trạng gắn kết trong bố trí nhân sự cho hoạt động giảng dạy, thực hành, thực tập



Hình 3. Đánh giá thực trạng gắn kết trong bố trí nhân sự cho hoạt động giảng dạy, thực hành, thực tập

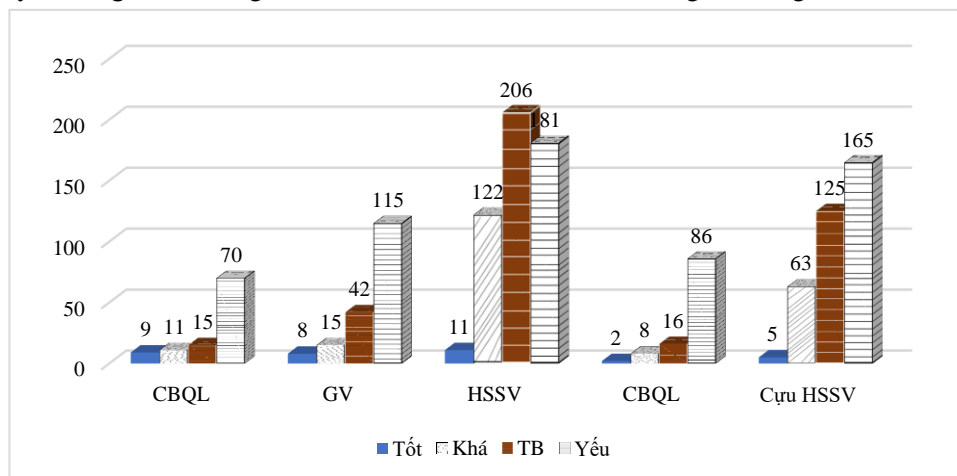
Kết quả khảo sát ở Hình 3 cho thấy, có trên 52 - 57% CBQL của TCD và DN trả lời chưa có sự bố trí nhân sự phục vụ cho hoạt động giảng dạy, thực hành, thực tập; còn giảng viên phản hồi về nội dung gắn kết này chiếm từ 27,2 - 48,8% ở mức độ trung bình và yếu; trên 57% cựu HSSV cũng phản hồi ở mức độ trung bình. Điều này cho thấy, việc bố trí nhân sự đảm nhận công việc giảng dạy lý thuyết và thực hành kỹ năng nghề cho HSSV nghề ĐCN chủ yếu là giảng viên của TCD, có ít cán bộ kỹ thuật từ các DN tham gia hướng dẫn thực tập cho HSSV khi được các TCD cử đến và được lãnh đạo các DN chấp thuận.

Tác giả cũng phỏng vấn khoảng 20 HSSV của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải (GTVT) Trung ương II và 15 HSSV đang học nghề ĐCN tại trường cao đẳng Hàng hải I; trên 96,5% các

bạn được hỏi cho rằng “Chúng em chưa thấy có cán bộ kỹ thuật đến trường để giảng dạy thực hành, lý thuyết hoặc nói chuyện chuyên đề về nghề điện công nghiệp chúng em học”. Như vậy có thể nhận thấy, việc gắn kết giữa TCD và DN trong bố trí nhân sự cùng tham gia giảng dạy, thực hành, thực tập cho HSSV nghề ĐCN là rất hạn chế hoặc chưa thực hiện.

3.1.4. Về thực trạng gắn kết trong đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Từ kết quả khảo sát trên Hình 4 cho thấy đa số mọi người đánh giá là yếu hay nói cách khác là chưa thực hiện sự gắn kết trong đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên nghề ĐCN; có tới 70/105 CBQL của TCD chiếm tỷ lệ 66,6% và 86/112 CBQL của DN chiếm tỷ lệ 76,7% đánh giá mức độ yếu, tức là chưa có sự tham gia của DN trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của HSSV nghề ĐCN. Tác giả cũng tìm hiểu 09 CBQL của trường cao đẳng nghề Hải Dương và 07 CBQL của trường cao đẳng VMU trả lời rằng “Việc đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của HSSV nghề ĐCN chủ yếu do nhà trường thực hiện”; còn 12 CBQL của Công ty trách nhiệm hữu hạn LG Display Hải Phòng cho rằng “Doanh nghiệp chủ yếu làm công tác sản xuất sản phẩm lĩnh vực điện, điện tử, không có khả năng về sự phạm nên không thể tham gia cùng các TCD để đổi mới phương pháp giảng dạy được, nếu có thể chúng tôi chỉ tham gia vào quá trình đánh giá kết quả học tập của HSSV nghề ĐCN”. Từ đây, tác giả nhận thấy việc đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá vẫn dừng lại ở các TCD mà chưa có sự tham gia hoặc gắn kết từ DN.

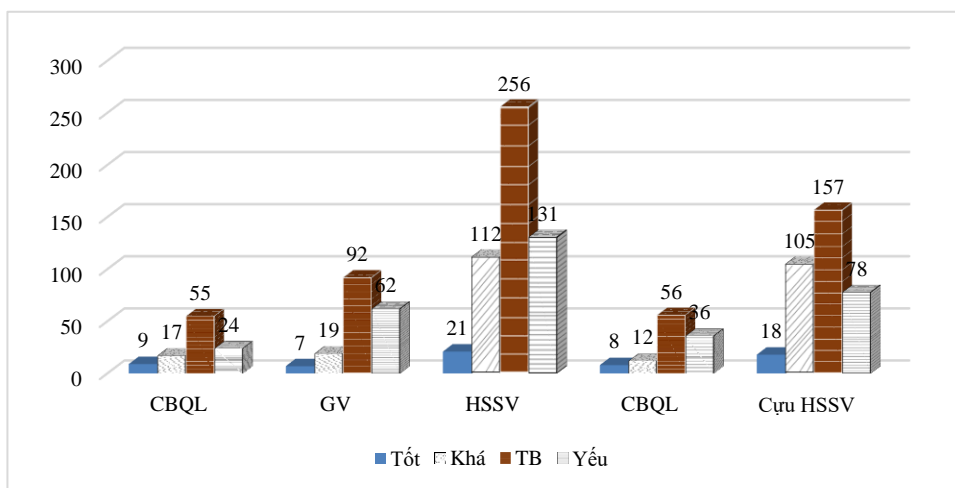


Hình 4. Đánh giá về thực trạng gắn kết trong đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên

3.1.5. Về thực trạng gắn kết nguồn lực (tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị,...) phục vụ cho hoạt động đào tạo

Từ kết quả khảo sát, đánh giá ở Hình 5 cho thấy việc gắn kết giữa TCD và DN trong bố trí nguồn lực (tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị,...) phục vụ cho đào tạo nghề ĐCN đều ở mức độ trung bình, thể hiện ở kết quả đánh giá của CBQL trong TCD và DN với tỷ lệ là 50 - 52,3%; chỉ có 105/358 cựu HSSV chiếm tỷ lệ 29,3% và 112/520 HSSV chiếm tỷ lệ 21,5% đánh giá ở mức độ khá. Qua nguồn tìm hiểu của tác giả bằng việc phỏng vấn 16/19 giảng viên Khoa Điện của Trường Cao đẳng GTVT Trung ương II chiếm tỷ lệ 84,2% và 12/13 giảng viên Khoa Điện - Điện tử của Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Nam Định chiếm tỷ lệ 92,3% trả lời rằng “Việc gắn kết nguồn lực về tài chính, cơ sở vật chất và trang thiết bị giữa nhà trường và doanh nghiệp rất hạn chế; doanh nghiệp chủ yếu hỗ trợ kinh phí học bổng cho HSSV nghề ĐCN khoảng 10 - 20 xuất/ năm học với mỗi xuất khoảng từ 500 nghìn - 1 triệu đồng/ HSSV; sự hỗ trợ về trang thiết

bị là không đáng kể, chỉ một vài thiết bị cũ hoặc các dây điện đã qua sử dụng; còn cơ sở vật chất thì hầu như không có”. Điều này đặt ra cho tác giả cần phải tìm hiểu kỹ và đưa ra các giải pháp về cơ chế gắn kết giữa TCĐ và DN trong việc cùng nhau bố trí nguồn lực phục vụ cho đào tạo nghề ĐCN để đạt được kết quả tốt.



Hình 5. Đánh giá thực trạng gắn kết nguồn lực cho hoạt động đào tạo

3.2. Thực trạng quản lý đào tạo nghề ĐCN tại các trường cao đẳng theo hướng gắn kết với doanh nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng

3.2.1. Quản lý hoạt động tuyển sinh

Bảng 1. Đánh giá về mức độ gắn kết trong quản lý hoạt động tuyển sinh

Nội dung	Điểm trung bình đánh giá					Mean
	Trường cao đẳng		Doanh nghiệp		Mean	
	CBQL	GV	HSSV	CBQL		
Gắn kết trong xác định chỉ tiêu, tiêu chuẩn tuyển sinh đào tạo nghề ĐCN	1,84	1,78	2,09	1,92	2,20	1,97
Gắn kết trong xây dựng kế hoạch tuyển sinh đào tạo nghề ĐCN	1,57	1,52	1,82	1,55	1,78	1,65
Gắn kết tổ chức quảng bá tuyển sinh và xác định đối tượng trúng tuyển nghề ĐCN	1,71	1,42	1,72	1,46	1,56	1,57
Gắn kết phối hợp cung cấp thông tin, giải đáp kiến nghị của sinh viên liên quan đến học tập nghề ĐCN và bố trí việc làm sau tốt nghiệp	1,65	1,38	1,80	1,57	1,70	1,62
Gắn kết trong đánh giá kết quả công tác tuyển sinh, đề xuất giải pháp cho các đợt tuyển sinh tiếp theo	1,91	1,54	1,89	1,80	1,71	1,77
Trung bình						1,72

Từ kết quả khảo sát ở Bảng 1 nhận thấy, tất cả các ý kiến đánh giá mức độ gắn kết trong xác định chỉ tiêu, tiêu chuẩn tuyển sinh đào tạo nghề ĐCN giữa TCĐ và DN ở mức 2, tức là ít thường xuyên hoặc chưa thực hiện gắn kết; có tới 43,8% CBQL với điểm trung bình = 1,84 và 47,2% giảng viên với điểm trung bình = 1,78 tại các TCĐ và 33,9% CBQL với điểm trung bình = 1,92 tại các DN đánh giá là chưa thực hiện; chỉ có 02/05 nội dung đánh giá mức 2 còn lại là mức 1. Thực tế cho thấy, việc gắn kết trong quản lý hoạt động tuyển sinh như: xác định chỉ tiêu, tiêu chuẩn tuyển sinh, quảng bá tuyển sinh đào tạo nghề ĐCN chủ yếu do các TCĐ thực hiện mà chưa có sự tham vấn hoặc gắn kết từ phía DN. Điều này đặt ra cho tác giả nghiên cứu các giải pháp để gắn kết TCĐ và DN trong việc quản lý hoạt động tuyển sinh để đạt hiệu quả cao nhất.

Qua trao đổi với Bà Cao Thị V - Trưởng bộ phận Hành chính nhân sự Công ty TNHH Horn Việt Nam (địa chỉ tại Khu công nghiệp An Dương, thành phố Hải Phòng) cho biết “Doanh nghiệp chủ yếu xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân sự phục vụ sản xuất, lắp ráp linh kiện điện; không hiểu và cũng chưa quan tâm tới việc tuyển sinh; theo tôi công việc này là của các trường đào tạo”.

3.2.2. Quản lý xác định mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo

Qua số liệu khảo sát ở Bảng 2 cho thấy các TCD và DN chưa có sự gắn kết trong việc quản lý xác định mục tiêu đào tạo nghề ĐCN cho HSSV. Hầu hết các ý kiến đánh giá ở mức 2 trung bình, riêng có 89/180 giảng viên chiếm tỷ lệ 49,4% ý kiến về mức độ yếu, nghĩa là chưa có sự gắn kết giữa TCD và DN trong việc xây dựng mục tiêu đào tạo nghề ĐCN. Theo ý kiến trao đổi với thầy Nguyễn Hồng H - Trưởng phòng Đào tạo Trường Cao đẳng Hàng hải I cho biết “Nhà trường căn cứ thông tư quy định khối lượng kiến thức tối thiểu của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội để xác định mục tiêu chương trình đào tạo nghề ĐCN, chưa có sự tham vấn của doanh nghiệp”.

Bảng 2. Đánh giá về gắn kết xây dựng và phát triển nội dung chương trình đào tạo

Nội dung	Điểm trung bình đánh giá					Mean
	Trường cao đẳng		Doanh nghiệp			
	CBQL	GV	HSSV	CBQL	Cựu HSSV	
Gắn kết xác định mục tiêu đào tạo nghề ĐCN	1,95	1,73	2,06	2,02	2,32	2,02
Gắn kết xây dựng và phát triển nội dung chương trình đào tạo nghề ĐCN	2,20	1,91	2,12	2,38	2,37	2,20
Gắn kết trong việc thường xuyên xây dựng, sửa đổi bổ sung chương trình đào tạo nghề ĐCN	1,71	1,66	1,84	1,64	2,07	1,78
Gắn kết trong đảm bảo các nguồn lực để thực hiện chương trình đào tạo nghề ĐCN	2,22	1,86	1,87	2,00	2,29	2,05
Gắn kết thống nhất tỷ lệ giảng dạy lý thuyết, thực hành trong chương trình đào tạo nghề ĐCN	1,75	1,72	1,79	1,71	2,13	1,82
Trung bình						1,97

3.2.3. Quản lý các nguồn lực đảm bảo cho đào tạo nghề ĐCN

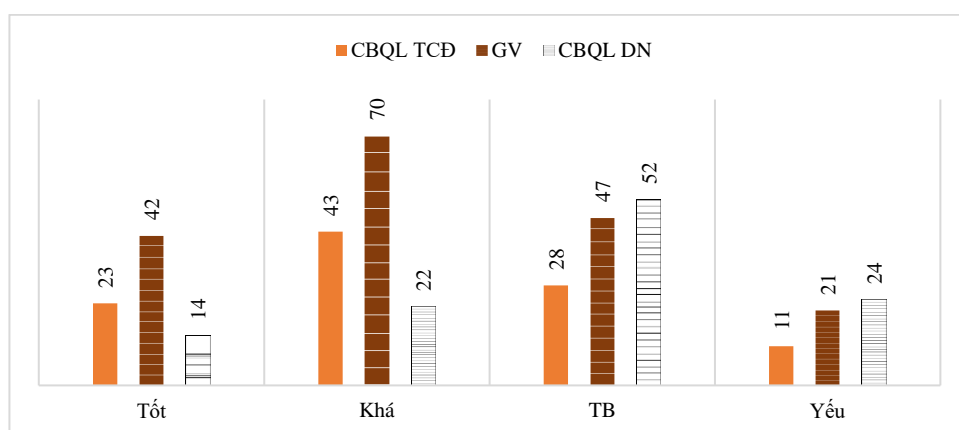
* Quản lý giảng viên

Công tác quản lý, bố trí đội ngũ giảng viên, cán bộ giảng dạy đạt chuẩn kỹ năng, nghiệp vụ theo quy định sẽ quyết định đến kết quả của quá trình đào tạo nghề ĐCN.

Qua kết quả khảo sát ở Hình 6 cho thấy có 21,9% CBQL và 23,3% giảng viên tại các TCD đánh giá ở mức tốt nhưng chỉ có 12,5% CBQL tại DN đánh giá ở mức tốt còn lại 46,4% đánh giá ở mức trung bình. Do vậy, việc quản lý giảng viên được các TCD thực hiện tương đối tốt, tuy nhiên tại các DN việc bố trí cán bộ kỹ thuật tham gia giảng dạy kỹ năng nghề ĐCN cho HSSV chưa đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng của TCD. Chính vì vậy, việc quản lý đội ngũ giảng viên, cán bộ giảng dạy nghề ĐCN phải được lãnh đạo TCD và DN quan tâm nhiều hơn nữa.

* Quản lý sinh viên

Qua kết quả khảo sát ở Bảng 3 nhận thấy, việc TCD và DN gắn kết cùng nhau quản lý sinh viên trong công tác giáo dục chính trị, phẩm chất và năng lực là chưa đạt như kỳ vọng, có 05/05 nội dung kết quả đánh giá đều thể hiện ở mức 2 - mức trung bình, có tới 43% CBQL ở TCD và 52,7% CBQL ở DN đánh giá mức trung bình, đặc biệt có 42,5% cựu HSSV được hỏi nhận xét ở mức độ yếu; tức là các bạn chưa thấy có sự gắn kết chung trong quản lý giáo dục sinh viên giữa TCD và DN. Để đạt được chất lượng HSSV đảm bảo tiêu chuẩn đầu ra, đáp ứng nhu cầu của DN và xã hội thì TCD và DN cần gắn kết chặt chẽ trong quản lý giáo dục chính trị, phẩm chất và năng lực cho HSSV nghề ĐCN.



Hình 6. Đánh giá quản lý giảng viên, cán bộ giảng dạy

Bảng 3. Đánh giá về gắn kết quản lý sinh viên

Nội dung	Điểm trung bình đánh giá					Mean
	Trường cao đẳng		Doanh nghiệp		Mean	
	CBQL	GV	HSSV	CBQL Cựu HSSV		
Gắn kết tổ chức giáo dục chính trị, phẩm chất và năng lực cần thiết cho sinh viên nghề ĐCN	2,07	1,91	2,19	1,93	1,83	1,99
Gắn kết định hướng phát triển nghề nghiệp và việc làm cho sinh viên nghề ĐCN	2,26	1,74	1,71	1,87	1,73	1,86
Gắn kết đánh giá điểm rèn luyện và kết quả học tập của sinh viên nghề ĐCN	2,34	1,73	1,68	1,78	1,70	1,85
Gắn kết bố trí nhân sự cùng tham gia quản lý sinh viên nghề ĐCN	2,16	1,77	1,67	1,66	1,67	1,79
Gắn kết bố trí cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo học tập, sinh hoạt và rèn luyện cho sinh viên nghề ĐCN	2,28	1,82	1,70	1,77	1,76	1,87
Trung bình						1,87

Tác giả phỏng vấn anh Trần Tiến M - cựu sinh viên nghề ĐCN Trường Cao đẳng GTVT Trung ương II, hiện là kỹ thuật viên công ty LG Innotek Hải Phòng cho biết “Khi còn học trong trường chúng em được các thầy, cô định hướng sơ bộ về nghề và việc làm trong tương lai ở các công ty điện, điện tử; chưa thấy có doanh nghiệp đến trường để tư vấn và tuyển dụng”. Như vậy, cần thiết phải có giải pháp để gắn kết giữa TCD và DN trong định hướng phát triển nghề nghiệp và việc làm giúp sinh viên nghề ĐCN có động cơ học tập đạt kết quả tốt.

* *Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị*

Công tác quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo nghề ĐCN tại các TCD là rất quan trọng giúp đảm bảo an toàn thiết bị, bảo quản và sắp xếp khoa học, hợp lý sẵn có kế hoạch, sẵn sàng cho việc dạy và học nghề ĐCN. Việc các DN hỗ trợ các TCD trong công tác cơ sở vật chất, trang thiết bị giúp nâng cao hiệu quả đào tạo nghề ĐCN. Tác giả phỏng vấn 5/12 CBQL chiếm tỷ lệ 41,6% ở Công ty TNHH LG Display và 6/11 CBQL chiếm tỷ lệ 54,5% ở Công ty TNHH Điện tử Dong Yang Hải Phòng (đều có địa chỉ tại Khu công nghiệp Trảng Dục - Hải Phòng) trả lời rằng: “Công ty chỉ bố trí cho HSSV các TCD đến thăm quan, thực tập trải nghiệm thực tế sản xuất trên các chuyền của phân xưởng, các em chỉ tham gia một khâu công việc nào đó; công ty chưa bố trí riêng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho đào tạo HSSV tại các TCD”.

4. Kết luận

Nghiên cứu này đã đóng góp quan trọng cả về mặt lý thuyết và thực nghiệm trong lĩnh vực đánh giá gắn kết đào tạo nghề với doanh nghiệp. Về lý thuyết, nghiên cứu đã cụ thể hóa mô hình CIPO trong đánh giá quản lý đào tạo nghề điện công nghiệp, xây dựng bộ chỉ số đánh giá toàn

diện từ đầu vào, quá trình đến đầu ra, có thể áp dụng cho các ngành nghề và vùng miền khác. Về thực nghiệm, lần đầu tiên một nghiên cứu quy mô lớn với 1.275 đối tượng từ 7 trường cao đẳng và 5 doanh nghiệp tại Đồng bằng sông Hồng đã cung cấp bức tranh toàn diện về thực trạng gắn kết. Kết quả cho thấy mức độ gắn kết còn thấp (1,72-1,97/4,0 điểm), đặc biệt yếu ở khâu tuyển sinh, xây dựng chương trình đào tạo và quản lý sinh viên. Tuy nhiên, nghiên cứu còn một số hạn chế cần lưu ý. Phạm vi nghiên cứu chỉ giới hạn trong một vùng địa lý và một ngành nghề cụ thể, ảnh hưởng đến khả năng khái quát hóa. Nghiên cứu chủ yếu mang tính mô tả mà chưa đi sâu phân tích nhân quả; và đây là nghiên cứu cắt ngang chỉ phản ánh thực trạng tại một thời điểm. Các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng phạm vi địa lý, so sánh giữa các ngành nghề khác nhau, thực hiện nghiên cứu dọc để theo dõi xu hướng phát triển và học hỏi kinh nghiệm từ các mô hình thành công quốc tế như mô hình đào tạo kép (dual education) của Đức hay mô hình đào tạo nghề luân phiên (Alternance) của Pháp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Prime Minister, *Resolution No. 08/NQ-CP promulgating the Government's Action Program to implement Resolution No. 19-NQ/TW dated October 25, 2017 of the 6th Conference of the 12th Central Executive Committee on continuing to innovate the organization and management system, improving the quality and efficiency of public service units*, Hanoi, January 24, 2018.
- [2] Central Committee of CPV, *Resolution 30-NQ/TW on socio-economic development and national defense and security in the Red River Delta region to 2030, with a vision to 2045*, Hanoi, November 23, 2022.
- [3] I. O. Jane, U. Raymond, and S. O. U. Patrick, "Bridging skill gap to meet technical, vocational education and training school-workplace collaboration in the 21 st century," *International Journal of Vocational Education and Training Research*, vol. 3, no. 1, pp. 7-14, February 2017, doi: 10.11648/j.ijvetr.20170301.12.
- [4] P. N. Nguyen, "Solutions to manage joint training activity between technical colleges and enterprises," *Vietnam Journal of Educational Sciences*, no. 136, pp. 75-77, 2017.
- [5] T. K. V. Truong, "Managing the link between schools and businesses in training human resources for the garment industry in Ho Chi Minh City today," PhD. Thesis, Political Academy, Ministry of Defence, 2018.
- [6] R. F. Maruanaya and D. Hariyanto, "Bridging competency gap between vocational school and industry by adopting the German BLOK platform," *Journal of Physics: Conference Series* 1833 (2021) 012020. IOP Publishing, doi: 10.1088/1742-6596/1833/1/012020.
- [7] T. P. Huynh, "Managing vocational training links between colleges and businesses in Hanoi to meet the labor market," PhD. Thesis, Political Academy, Ministry of Defence, 2020.
- [8] Y. Wu, J. Wang, and W. Li, "Design of Electrical Vocational Education Instructional Based on Problem Orientation," *International Journal of Vocational Education and Training Research*, vol. 9, no. 1, pp. 1-5, June 2023, doi: 10.11648/j.ijvetr.20230901.11.
- [9] E. Elfizon, M. Muskhir, and A. Asnil, "Development of industrial electrical installation trainer nuanced to training within industry for students of electrical industrial engineering Universitas Negeri Padang," *J. Phys.: Conf. Ser.*, vol. 1165, no. 1, 2019, Art. no. 012014, doi: 10.1088/1742-6596/1165/1/012014.
- [10] T. X. Nguyen, "Managing vocational training in quality - assurance direction to meet current educational reforms at vocational schools," *Dong Thap University Journal of Science*, vol. 11, no. 4, pp. 21-32, 2022.